

Số: /GP-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Căn cứ Quyết định số 3585/QĐ-UBND ngày 4/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất, gia công giấy dếp xuất khẩu Ngọc Lặc tại xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Thạch Lập, tỉnh Thanh Hóa) của Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Trung Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2564/QĐ-UBND điều chỉnh lần thứ 1 ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất, gia công giấy dếp xuất khẩu Ngọc Lặc tại xã Thạch Lập;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1529/TTr-SNNMT ngày 12/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Trung Sơn (địa chỉ: Thửa đất số 1265, thôn Hợp Lộc, xã Thạch Lập, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất, gia công giấy dếp xuất khẩu Ngọc Lặc tại xã Thạch Lập, tỉnh Thanh Hoá, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất, gia công giấy dếp xuất khẩu Ngọc Lặc.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thửa đất số 1265, thôn Hợp Lộc, xã Thạch Lập, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Mã số doanh nghiệp: 2803045548 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hoá cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/11/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17/7/2025.

1.4. Mã số thuế: 2803045548.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công giấy dép xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Tổng diện tích khu đất thực hiện: 50.123,3m².
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công năm 2024).
- Dự án có tiêu chí về môi trường thuộc Nhóm III theo quy định tại STT 2, Mục I, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.
- Công suất sản xuất (theo đề xuất của chủ dự án đầu tư): 4.800.000 đôi sản phẩm/năm và quy mô sử dụng lao động không quá 2.800 công nhân.
- Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu sản xuất mũ giấy (vải, PU tổng hợp) → Pha cắt → Ráp, may mũ giấy → Kiểm tra (KCS) → Mũ giấy. Quá trình sản xuất không có công đoạn in-xoa.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Trung Sơn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Trung Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép đối với các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 25/12/2025 đến ngày 25/12/2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Thạch Lập và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Thạch Lập;
- Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Trung Sơn;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01 (Nước thải phát sinh từ khu Nhà vệ sinh công nhân cạnh Nhà xưởng số 1): Nước thải từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện và rửa tay chân).
- Nguồn số 02 (Nước thải phát sinh từ khu Nhà vệ sinh công nhân cạnh Nhà xưởng số 2): Nước thải từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện và rửa tay chân).
- Nguồn số 03 (Nước thải phát sinh từ khu Nhà vệ sinh công nhân cạnh Nhà xưởng số 3): Nước thải từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện và rửa tay chân).
- Nguồn số 04 (Nước thải phát sinh từ khu Nhà vệ sinh công nhân cạnh Nhà xưởng số 4): Nước thải từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện và rửa tay chân).
- Nguồn số 05 (Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh tại khu Nhà ăn ca công nhân + Nhà y tế): Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ chứa đồ ăn của công nhân và nước thải từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện và rửa tay chân).
- Nguồn số 06 (Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh tại khu Nhà văn phòng và nghỉ chuyên gia): Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ chứa đồ ăn của công nhân và nước thải từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện và rửa tay chân);
- Nguồn số 07 (Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh tại khu Nhà bảo vệ): Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ chứa đồ ăn của công nhân và nước thải từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện và rửa tay chân);

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của 07 nguồn là $127\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, trong đó:

Lưu lượng nước thải sau xử lý tuần hoàn tái sử dụng là $103,3\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (vào những ngày không mưa, khô hanh), lưu lượng nước thải sau xử lý thải ra tối đa là $23,7\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$;

Lưu lượng nước thải sau xử lý tuần hoàn tái sử dụng là $63,3\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (vào những ngày mưa), lưu lượng nước thải sau xử lý thải ra tối đa là $63,7\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Hệ thống thoát nước chung ở phía Đông Bắc của dự án (đoạn chảy qua

thôn Hợp Lộc, xã Thạch Lập, tỉnh Thanh Hoá).

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí đầu nối từ đường ống dẫn nước thải HDPE, D160 vào hệ thống thoát nước chung ở phía Đông Bắc của dự án (đoạn chảy qua thôn Hợp Lộc, xã Thạch Lập, tỉnh Thanh Hoá).

- Vị trí đầu nối có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): X=2226165(m); Y=541428(m).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

Lưu lượng xả thải lớn nhất là $63,7\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (24 giờ)

2.4. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau xử lý theo đường ống dẫn HDPE, D160 dẫn ra hệ thống thoát nước chung ở phía Đông Bắc của dự án với tổng chiều dài 35m và cụ thể như sau:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải

Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT (Cột B, lưu lượng xả thải $F \leq 2.000\text{m}^3$) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	≤ 40	- Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định tự động, liên tục theo quy
2	pH	-	6 - 9		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 80		
4	COD	mg/l	≤ 90		

5	Amoni (NH ₄ ⁺) tính theo N	mg/l	≤ 10	khoản 2, điều 97, Nghị định số 08/2022/N Đ-CP - Chủ dự án đề xuất quan trắc 03 tháng/lần	định tại khoản 2, điều 97, Nghị định số 08/2022/N Đ-CP
6	Độ màu	Pt/Co	≤ 100		
7	BOD ₅	mg/l	≤ 60		
8	Fe	mg/l	≤ 10		
9	Pb	mg/l	≤ 0,5		
10	Cu	mg/l	≤ 3,0		
11	Zn	mg/l	≤ 5,0		
12	Dầu khoáng mỡ	mg/l	≤ 5,0		
13	Tổng Nito	mg/l	≤ 40		
14	Tổng Phốt pho	mg/l	≤ 14		
15	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,5		
16	Florua (F ⁻)	mg/l	≤ 15		
17	Clo dư	mg/l	≤ 2,0		
18	Coliform	MPN/100m l	≤ 5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 01 đến nguồn số 07 (nước thải sinh hoạt từ bồn tiêu, bồn cầu các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn; nước thải sinh hoạt từ bồn rửa, vệ sinh sàn không đi qua bể tự hoại) → Hố ga → Tuyến thu gom nước thải bằng đường ống HDPE, D200, D350 đặt ngầm đầu

nổi vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250m³/ngày.đêm để xử lý.

- Tuyến thu gom chung dẫn nước thải về hệ thống xử lý tập trung: Tuyến thu gom chung dẫn nước thải về hệ thống xử lý tập trung: Đường ống HDPE, D200, D350 có tổng chiều dài 731m, dọc đường giao thông nội bộ, trên tuyến thu gom bố trí 26 hố gas.

- Tổng lưu lượng nước thải của các nguồn thu gom về 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung là 127m³/ngày.đêm.

- Nước thải sau xử lý của Hệ thống xử lý tập trung, công suất 250m³/ngày.đêm đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột B, lưu lượng xả thải $F \leq 2.000\text{m}^3$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp một phần được tuần hoàn, tái sử dụng cho hoạt động dội nhà vệ sinh, tưới cây xanh, rửa đường, PCCC của cơ sở; phần nước thải còn lại chảy ra hệ thống thoát nước chung ở phía Đông Bắc của dự án thông qua đường ống HDPE, D160 với tổng chiều dài 35m (đoạn chảy qua thôn Hợp Lộc, xã Thạch Lập, tỉnh Thanh Hoá).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- *Xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh:* Nước thải từ nguồn số 01 đến nguồn số 07 được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn dưới mỗi nhà vệ sinh, tổng cộng có 11 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích 279m³, được xây dựng tại các vị trí:

+ 02 bể tự hoại tại khu Nhà vệ sinh công nhân cạnh Nhà xưởng số 1 với thể tích bể 30m³/bể (kích thước 3,0m × 5,0m × 2,0m);

+ 02 bể tự hoại tại khu Nhà vệ sinh công nhân cạnh Nhà xưởng số 2 với thể tích bể 30 m³/bể (kích thước 3,0m × 5,0m × 2,0m);

+ 02 bể tự hoại tại khu Nhà vệ sinh công nhân cạnh Nhà xưởng số 3 với thể tích bể 30 m³/bể (kích thước 3,0m × 5,0m × 2,0m);

+ 02 bể tự hoại tại khu Nhà vệ sinh công nhân cạnh Nhà xưởng số 4 với thể tích bể 30 m³/bể (kích thước 3,0m × 5,0m × 2,0m);

+ 01 bể tự hoại tại khu Nhà ăn ca công nhân + Nhà y tế với thể tích bể 15 m³ (kích thước 2,5m × 4,0m × 1,5m);

+ 01 bể tự hoại tại khu Nhà văn phòng và nghỉ chuyên gia với thể tích bể 15 m³ (kích thước 2,5m × 4,0m × 1,5m);

+ 01 bể tự hoại tại khu Nhà bảo vệ với thể tích bể 9 m³ (kích thước 2,0m × 3,0m × 1,5m).

Nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn → Đường ống nhựa HDPE, D200, D350 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- *Hệ thống xử lý nước thải tập trung:*

+ Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải → bể Thu gom (T-01) → Máy sần rác tinh → bể Điều hòa (T-02) → bể Thiếu khí (T-03) → bể Hiếu khí (T-04) → bể Lắng sinh học (T-05) → bể Trung gian 1 (T-07) → bể Phản ứng (T-07) → bể Keo tụ (T-09) → bể Lắng hóa lý (T-10) → bể Trung gian 2 (T-11) → Bồn lọc áp lực (T-12) → bể Khử trùng (T-14) → Bể chứa nước sau xử lý (T-15) → Tuần hoàn tái sử dụng vào các mục đích (như: dội nhà vệ sinh, tưới cây xanh, rửa đường, PCCC)/Thải ra môi trường. Nước thải sau xử lý được xả ra hệ thống thoát nước chung ở phía Đông Bắc của dự án thông qua đường ống HDPE, D160 với tổng chiều dài 35m.

+ Tổng công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung: 250m³/ngày.đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch Polymer; PAC; Ca(OCl)₂; NaOH (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 phần A Phụ lục này).

+ Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng: Lắp đặt 01 đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành phải được đào tạo và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, tiến hành sử dụng các bể xử lý làm bể chứa, lưu giữ nước thải trong thời gian khắc phục sự cố hệ thống xử lý, khả năng chứa khoảng 03 ngày. Khi sự cố được khắc phục, nước sẽ được bơm ngược trở lại bể thu gom để xử lý lại đảm bảo quy chuẩn cho phép; trường hợp quá thời gian lưu 03 ngày mà chưa khắc phục được sự cố, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải theo quy định.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom bảo đảm hoạt động ổn định.

1.5. Quan trắc nước thải định kỳ

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Tuy

nhằm để giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cơ sở, chủ đầu tư đề xuất chương trình quan trắc nước thải và bùn thải như sau:

a. Đối với nước thải:

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Thông số quan trắc: Nhiệt độ; pH; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); BOD₅; COD; Amoni (NH₄⁺) tính theo N; Độ màu; As; Dầu mỡ động thực vật; Tổng sắt; Tổng Nito; Sunfua (S²⁻); Tổng Phốt pho; Florua (F⁻); Clo dư; Chất hoạt động bề mặt và Coliform.

- Vị trí quan trắc: lấy mẫu nước thải sau xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung (bể chứa nước thải sau xử lý).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT (cột B, lưu lượng xả thải F ≤ 2.000m³) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

b. Đối với bùn thải:

- Tần suất: 01 lần/năm.

- Thông số quan trắc: As, Cd, Pb, Zn, Cu, Cr³⁺, tổng dầu mỡ khoáng.

- Vị trí quan trắc: bể chứa bùn của hệ thống Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước và cặn thể quản lý như sau:

+ Trường hợp kết quả phân tích mẫu của dòng bùn thải cho thấy ít nhất một (01) thông số chất ô nhiễm trong bùn thải vượt ngưỡng nguy hại tại thời điểm lấy mẫu, Chủ đầu tư thực hiện chương trình quản lý như chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực dự án.

+ Trường hợp kết quả phân tích mẫu của dòng bùn thải cho thấy tất cả các thông số ô nhiễm trong bùn thải nằm trong giới hạn ngưỡng nguy hại cho phép tại thời điểm lấy mẫu, Chủ đầu tư thực hiện quản lý, xử lý như chất thải như các chất thải không nguy hại khác phát sinh tại dự án.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 250m³/ngày.đêm.

+ Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý tập trung trước khi xả thải ra môi trường.

+ Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại mục 2.6 Mục A Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.6. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra của mỗi Hệ thống xử lý nước thải tập trung xả ra môi trường.

3.7. Thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan để xây dựng đường ống thoát nước ra Hệ thống thoát nước chung phía ở phía Đông Bắc của dự án (đoạn chảy qua thôn Hợp Lộc, xã Thạch Lập, tỉnh Thanh Hoá).

3.8. Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Trung Sơn chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường và mương thoát nước chung không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG QUẢN LÝ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Không cấp phép nội dung xả khí thải

2. Nguồn phát sinh khí thải phải quản lý

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- Nguồn số 02: Khí thải từ ống thoát khí của máy phát điện dự phòng.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp quản lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Mạng lưới thu gom khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án: Thoát tự nhiên.

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện được thu gom, thoát ra môi trường qua ống thoát khí (ống thoát khí thải đồng bộ cùng máy phát điện).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ nguồn số 01: Thoát tự nhiên.

- Khí thải từ nguồn số 02: Khí thải máy phát điện → Ống thoát khí thải (đồng bộ cùng máy phát điện) → Môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình hệ thống sản xuất và máy phát điện.

2.2. Đối với hệ thống ống thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tuy nhiên, yêu cầu Công ty phải đảm bảo luôn sử dụng nhiên liệu đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, Công ty báo cáo bằng văn bản đến cơ quan cấp giấy phép để kiểm tra xem xét giải quyết.

2.4. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống ống thoát khí thải, chủ dự án báo cáo bằng văn bản đến cơ quan cấp giấy phép, UBND xã Thạch Lập để kịp thời xử lý./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, máy nén khí, trạm biến áp tại Nhà điều hành điện;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy nén khí, máy bơm phục vụ hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động máy móc sản xuất, motor của hệ thống quạt thông gió tại Nhà xưởng số 1 của nhà máy;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động máy móc sản xuất, motor của hệ thống quạt thông gió tại Nhà xưởng số 2 của nhà máy.

2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

- Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phát sinh tại dự án phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu quy định tại

QCVN 26:2025/BNNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Lắp đặt dây chuyền công nghệ sản xuất (máy móc, thiết bị, động cơ) đúng tiêu chuẩn thiết kế để hạn chế tiếng ồn như: Đế móng đặt các thiết bị có tải trọng lớn xây dựng chắc chắn, lắp đặt đệm giảm sóc dưới chân các loại máy móc. Thường xuyên bảo dưỡng dây chuyền, vận hành đúng công suất thiết kế, bôi trơn dầu mỡ, tu sửa các ổ đỡ, trục máy.

- Xây hàng rào bảo vệ xung quanh khu vực dự án.

- Trang bị thiết bị bảo hộ giảm tiếng ồn (nút bịt tai) cho công nhân làm việc trực tiếp tại các nguồn gây ồn, đồng thời theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Tại khu vực có độ ồn cao và thường xuyên, chủ dự án đã bố trí lao động luân phiên ca làm việc.

- Sử dụng các loại máy móc mới, thiết bị hiện đại nhằm hạn chế tiếng ồn.

- Thực hiện bảo trì thường xuyên các máy móc thiết bị để máy luôn hoạt động ở tình trạng tốt nhất, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây nên.

- Xây dựng nhà xưởng có kết cấu bao che vững chắc nhằm hạn chế gây ra tiếng ồn.

- Các phương tiện vận chuyển và xe cơ giới cần tuân thủ biển báo và tốc độ khi đi vào đường nội bộ nhà máy, không bóp còi liên tục.

- Định kỳ bảo dưỡng và kiểm định xe theo quy định.

- Tăng cường trồng cây xanh bố trí để hạn chế sự phát tán của tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

- Lắp đặt dây chuyền công nghệ sản xuất (máy móc, thiết bị, động cơ) đúng tiêu chuẩn thiết kế để hạn chế rung động: Đế móng đặt các thiết bị có tải trọng lớn xây dựng chắc chắn, lắp đặt đệm giảm sóc dưới chân các loại máy móc. Thường xuyên bảo dưỡng dây chuyền, vận hành đúng công suất thiết kế, bôi trơn dầu mỡ, tu sửa các ổ đỡ, trục máy.

- Sử dụng các loại máy móc mới, thiết bị hiện đại nhằm hạn chế độ rung.

- Xây dựng nhà xưởng có kết cấu bao che vững chắc nhằm giảm rung động gây ra.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Thành phần chất thải	Mã CTNH	Tổng cộng (kg/năm)
1	Captrish mực, mực in thải (hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại)	08 02 04	150
2	Keo dán giày thải (có chứa dung môi hữu cơ)	08 03 01	200
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	100
4	Các linh kiện, thiết bị điện tử thải	16 01 13	100
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	200
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	500
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	1.000
8	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 02	500
9	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	500
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	200
11	Các loại pin, ắc quy chì thải	19 06 01	50
Tổng cộng			3.500

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Liệu viên (biên) da	50.400
2	Liệu vải viên	12.500
3	Xốp (đóng gói thiết bị điện tử)	15.000
4	Liệu góc trong máy lạnh	35.500
5	Giấy phế và các sản phẩm thải bỏ	23.000
6	Vải phế, tem, khuy, ống chỉ, khuy các loại,...	48.000
7	Bùn thải thông thường từ quá trình xử lý nước thải tập trung, nạo vét rãnh thoát nước, bể tự hoại	7.935
Tổng cộng		192.335

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	290
Tổng cộng		290

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa có nắp đậy.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa trong nhà: Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 90 m² (kích thước RxD = 5,0m x 16,0m) thuộc Nhà chứa rác có tổng diện tích 576 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, chia thành các ngăn chứa, có mái che, nền xi măng chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*dán nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại, có lắp đặt hệ thống thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió*). Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa bằng nhựa cứng dung tích 50 lít/thùng, 120 lít/thùng; các thùng gỗ kích thước 1,5m × 0,8m × 0,8m; các sọt chứa rác bằng nhựa kích thước 0,5m × 0,7m × 0,4m; thùng composite các loại; bao bì mềm PE, PP tại các khu vực nhà xưởng và trong khu vực lưu giữ.

2.2.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Khu vực lưu chứa trong nhà: Kho chứa rác thải công nghiệp có diện tích 384 m² (kích thước RxD = 16,0m × 24,0m) thuộc Nhà chứa rác có tổng diện tích 576 m² và được ngăn cách bằng các vách ngăn chia ô chứa chất thải.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, có mái che, nền xi măng chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải rắn công nghiệp được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Các Thùng composite dung tích (5 - 10) lit/thùng, có nắp đậy và bánh xe; Bao bì mềm PE, PP hai lớp. Thùng nhựa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa: Kho chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 48m² (kích thước RxD = 3,0m × 16,0m) thuộc Nhà chứa rác có tổng diện tích 576m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hàng ngày và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Các nội dung chủ cơ sở tiếp tục thực hiện theo sau khi được cấp Giấy phép môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các hạng mục công trình còn lại và cụ thể như sau:

1. Về thu gom và xử lý nước thải

- *Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân:*

+ Đối với nước thải vệ sinh rửa tay chân với lưu lượng 0,3m³/ngày.đêm: Thu gom và dẫn về hố lắng có thể tích 1,0m³ (hố lắng lót bạt chống thấm thành và đáy) để xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của cơ sở.

+ Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng 0,3m³/ngày.đêm: Được xử lý cùng với nước thải nhà vệ sinh hiện có của cơ sở.

- *Đối với nước thải xây dựng, nước rửa xe:* Đối với nước thải vệ sinh thiết bị, rửa xe có lưu lượng: 3,0m³/ngày.đêm, thu gom về bể lắng có thể tích 3,0m³ được xây dựng bằng cách đào hố (có lót bạt chống thấm thành và đáy), để lắng nước thải trước khi chảy ra hệ thống thoát nước mưa của cơ sở. Váng dầu được lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý cùng chất thải nguy hại.

- *Đối với nước mưa chảy tràn:* Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước. Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi... Bố trí khu vực sửa chữa bảo dưỡng thiết bị cạnh khu vực rửa xe để sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị tại công trường.

2. Về thu gom và xử lý khí thải

- Phun ẩm tường các công trình phá dỡ và thực hiện tưới ẩm chống bụi trong suốt quá trình phá dỡ. Thực hiện phá dỡ, bốc xúc vận chuyển, đổ thải, chất thải từ phá dỡ nhanh gọn, cuốn chiếu theo từng công trình phá dỡ để giảm bụi bốc bay và hạn chế phạm vi tác động.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công.

- Bố trí khu vực rửa xe, để phun nước giảm bụi trước khi ra khỏi khu vực cơ sở làm bụi đất đá cuốn theo bánh xe ảnh hưởng bụi đến khu vực xung quanh khu vực cơ sở.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 3m, chiều dài 250m bao quanh khu vực thi công hạng mục công trình để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của nhà máy.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

3. Về thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải xây dựng chủ yếu là vật liệu thải bỏ: Gạch vụn, xi măng, gỗ cốt pha hỏng và các loại chất thải xây dựng khác. Đối với các loại chất thải có khả năng tái sử dụng, Chủ cơ sở sẽ có hợp đồng thu gom, vận chuyển với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển trên địa bàn. Đối với các loại chất thải không có khả năng tái sử dụng được tận dụng để san nền trong khu vực cơ sở.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển về khu chứa rác của Dự án. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh về khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời. Chất thải nguy hại được để trong các thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy kín và dán nhãn mã số chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải phát sinh theo đúng quy định.

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công được thu gom và đưa đi xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài

nguyên và Môi trường và Quyết định số 13/2022/ Đ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Kiểm soát các thông số ô nhiễm bụi, khí thải theo hướng dẫn của nhà sản xuất đối với hệ thống máy phát điện dự phòng.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B) sau đó mới thải ra ngoài môi trường. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong khí thải bảo chất lượng khí thải của nguồn tiếp nhận (không khí xung quanh khu vực dự án) có giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đáp ứng theo quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

7. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo xin giấy phép môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.